Điểm đánh giá quá trình học phần Ngữ âm tiếng Việt - Từ vựng tiếng Việt

Thứ hai, 30 Tháng 5 2016 08:20

Điểm đánh giá quá trình học phần Ngữ âm tiếng Việt - Từ vựng tiếng Việt lớp thầy Trung.

TRƯỜNG ĐHSP TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐIỂM ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH

HỌC PHẦN *NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT - TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT*

Mã số học phần: **1521PRIM1023** Mã số lớp: **1521PRIM102301** Trọng số: **40%** Số tín chỉ: **3**

Học kỳ: **HK2** Năm học: **2015-2016** Hệ: **Chính quy** **TNHP**

STT	MSSV	Họ và tên lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm		Ghi chú
						Số	Chữ	
1	K38.901.005	Trần Thị Vân	Anh	11/06/1994	Giáo Dục Tiểu Học B	0	*Không*	
2	k40.901.013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	28/08/1995	Giáo dục Tiểu học B	7	*Bảy*	
3	K38.901.007	Phan Diên Thị Ngọc	Bích	16/05/1992	Giáo Dục Tiểu Học A	0	*Không*	
4	k38.901.011	Lê Huỳnh Ngọc	Châu	22/12/1994	Giáo Dục Tiểu Học B	0	*Không*	
5	K39.901.024	Nguyễn Ngọc Minh	Đan	28/10/1995	Giáo dục Tiểu học A	5.5	*Năm rưỡi*	
6	K40.901.037	Nguyễn Thị Hồng	Đào	14/01/1996	Giáo dục Tiểu học B	7	*Bảy*	
7	K40.901.038	Nguyễn Thị Hồng	Đào	1996	Giáo dục Tiểu học A	8	*Tám*	
8	K40.901.059	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	20/10/1996	Giáo dục Tiểu học C	9	*Chín*	
9	k40.901.052	Nguyễn Phạm Thanh	Hằng	19/11/1996	Giáo dục Tiểu học B	8	*Tám*	
10	K40.901.076	Nguyễn Thị Ngọc	Huân	03/03/1996	Giáo dục Tiểu học C	6.5	*Sáu rưỡi*	
11	K40.901.078	Lý Thị Thanh	Huệ	22/07/1995	Giáo dục Tiểu học D	7	*Bảy*	
12	K40.901.082	Nguyễn Thị Thu	Huyền	11/01/1996	Giáo dục Tiểu học D	8	*Tám*	
13	K40.901.088	Vương Thị	Hương	10/02/1996	Giáo dục Tiểu học D	6.5	*Sáu rưỡi*	
14	K40.901.099	Lâm Thị Mỹ	Liêu	27/10/1995	Giáo dục Tiểu học A	6	*Sáu*	
15	K40.901.109	Trần Thị	Linh	16/10/1996	Giáo dục Tiểu học C	6.5	*Sáu rưỡi*	
16	K40.901.112	Phạm Hoàng	Long	21/04/1996	Giáo dục Tiểu học A	8	*Tám*	
17	k40.901.120	Nguyễn Thị	Mai	14/07/1996	Giáo dục Tiểu học B	9	*Chín*	
18	K40.901.121	Tạ Thị	Mai	09/02/1996	Giáo dục Tiểu học D	9	*Chín*	
19	K40.901.123	Trương Đình	Mau	24/08/1996	Giáo dục Tiểu học A	6	*Sáu*	
20	k39.901.090	Cao Nguyễn Thanh	My	21/10/1995	Giáo dục Tiểu học D	6.5	*Sáu rưỡi*	
21	k40.901.128	Trần Thị Hà	My	27/09/1996	Giáo dục Tiểu học B	9	*Chín*	
22	K40.901.141	Nguyễn Thị Bé	Ngoan	26/05/1995	Giáo dục Tiểu học D	9	*Chín*	
23	K40.901.155	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	21/07/1996	Giáo dục Tiểu học C	8.5	*Tám rưỡi*	
24	K40.901.154	Trần Thị Khánh	Nhi	18/08/1996	Giáo dục Tiểu học D	9	*Chín*	
25	K37.609.065	Vương Ngọc Phương	Như	03/12/1993	Quản Lý Giáo Dục B	6	*Sáu*	
26	k40.901.167	Nguyễn Hoàng Anh	Phương	05/02/1996	Giáo dục Tiểu học A	9	*Chín*	
27	K40.901.175	Đoàn Thị	Phượng	18/07/1995	Giáo dục Tiểu học D	8	*Tám*	
28	k40.901.181	Đỗ Ánh	Quyên	14/06/1995	Giáo dục Tiểu học D	7	*Bảy*	

1/2

STT	MSSV	Họ và tên lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm		Ghi chú
						Số	Chữ	
29	K40.901.178	Trần Thị Tố	Quyên	26/01/1996	Giáo dục Tiểu học A	7.5	*Bảy rưỡi*	
30	K40.901.183	Võ Thị Thúy	Quỳnh	18/09/1996	Giáo dục Tiểu học B	10	*Mười*	
31	K38.901.117	Ông Hoàng	Sơn	09/10/1994	Giáo Dục Tiểu Học A	6	*Sáu*	
32	K40.901.189	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	06/12/1995	Giáo dục Tiểu học C	9	*Chín*	
33	K40.901.188	Phạm Trần Thiên	Thanh	26/01/1996	Giáo dục Tiểu học D	9	*Chín*	
34	k40.901.190	Trần Thị	Thanh	02/05/1995	Giáo dục Tiểu học A	7.5	*Bảy rưỡi*	
35	K39.901.164	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	08/08/1995	Giáo dục Tiểu học B	8	*Tám*	
36	k40.901.199	Phạm Anh	Thảo	23/02/1995	Giáo dục Tiểu học D	9	*Chín*	
37	K40.901.193	Vũ Hồng	Thái	18/11/1995	Giáo dục Tiểu học B	7	*Bảy*	
38	k40.901.221	Lý Thị Hoài	Thơm	10/10/1995	Giáo dục Tiểu học D	7	*Bảy*	
39	k40.901.218	Nguyễn Thị	Thủy	06/02/1995	Giáo dục Tiểu học A	7	*Bảy*	
40	k39.901.184	Nguyễn Trúc	Thư	30/11/1995	Giáo dục Tiểu học C	7	*Bảy*	
41	K40.901.224	Vũ Ngọc Hoài	Thương	29/04/1996	Giáo dục Tiểu học D	8	*Tám*	
42	K39.901.193	Trần Thị Giáng	Tiên	19/10/1995	Giáo dục Tiểu học B	8.5	*Tám rưỡi*	
43	k40.901.227	Nguyễn Thị Bích	Tiền	04/07/1996	Giáo dục Tiểu học C	6.5	*Sáu rưỡi*	
44	K40.901.228	Nguyễn Xuân	Tiến	02/10/1996	Giáo dục Tiểu học B	9	*Chín*	
45	k40.901.234	Dương Thị Thùy	Trang	07/05/1996	Giáo dục Tiểu học A	7	*Bảy*	
46	k40.901.247	Vũ Thị Thu	Trinh	03/10/1995	Giáo dục Tiểu học D	7	*Bảy*	
47	K39.901.219	Bá Nữ Thanh	Tuyền	24/06/1993	Giáo dục Tiểu học B	7	*Bảy*	
48	k40.901.271	Võ Ngọc	Xuân	06/06/1995	Giáo dục Tiểu học D	9	*Chín*	
49	K40.901.273	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/03/1996	Giáo dục Tiểu học B	6.5	*Sáu rưỡi*	
50	**K39.901.281**	**Trần Thị**	**Lụa**	**22/12/1980**	**Văn bằng 2 K4.1**	7.5	*Bảy rưỡi*	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2016
GIẢNG VIÊN

ThS. **Lê Văn Trung**

2/2